CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: **1900 1713**

Số: 0008-12/23-01-12-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Đất gần Suối Tre khu vực Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1156719,00 và Y=441600,00
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU ĐẤT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 03: 2023/BTNMT Loại 3	Phương pháp phân tích
1	Cadimi (Cd)*	mg/kg	0,41	0,30	**60**	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
2	Chì (Pb)*	mg/kg	41	3,0	**700**	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
3	Kẽm (Zn)*	mg/kg	118	0,30	**2000**	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
4	Tổng Crôm (Cr)*	mg/kg	KPH	1,5	**250**	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
5	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH	0,030	**60**	US EPA Method 7471B
6	Niken (Ni)**	mg/kg	18	1,5	**500**	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
7	Sắt (Fe) **	mg/kg	141,09	-	-	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
8	Magan (Mn) **	mg/kg	13,03	-	-	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
9	Hydrocacbon***	mg/kg	KPH	1,0	-	SOP-D22/LAET

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 1157-11/23-3.1/KQPT)
(**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Viện Môi Trường & Tài Nguyên, Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường – Vimcerts 077 – Theo phiếu phân tích số: 07900/2023/PKQ)
QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: **1900 1713**

Số: 0008-12/23-01-09-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Động vật đáy (Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X=1156717,00; Y=441601,00)
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	TÊN KHOA HỌC	KẾT QUẢ
	Phylum MOLLUSCA	
	Class Bivalvia	
	Order Veneroida	
	Family Cyrenidae	
1	*Corbicula fluminea* O.F. Muller, 1974	6
	Phylum ARTHROPODA	
	Class Insecta	
	Order Diptera	
	Family Chironomidae	
2	*Chironomus* sp.	10
	Phylum ANNELIDA	
	Class Clitellata	
	Order Oligochaeta	
	Family Tubiflicidae	
3	*Limnodrilus hoffmeisteri* Claparede, 1862	4
4	*Tubiflex tubiflex* O.F. Muller, 1774	6
Tổng số loài		**4**
Tổng số cá thể/m²		**26**

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 1157-11/23-3.1/KQPT)
Phương pháp định lượng: SMEWW 10500B:2017
Mẫu: Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 1156717,00; Y: 441601,00

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: **1900 1713**

Số: 0008-12/23-01-10-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Động vật nổi (Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X= 1156717,00; Y=441601,00)
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	TÊN KHOA HỌC	ĐỊNH LƯỢNG (cá thể/m^3)
	Phylum PYRROPHYCOPHYTA	
	Class Dinophyceae	
	Order Gonyaulacales	
	Family Ceratiaceae	
1	*Ceratium furca* Claparède & Lachmann, 1859	1.000
2	*Ceratium tripos* Nitzsch, 1817	1.000
3	*Ceratium* sp.	2.000
	Family Heterodiniaceae	
4	*Peridinium granii* Ostenfeld, 1906	5.000
	Phylum EUGLENOPHYCOTA	
	Class Euglenophyceae	
	Order Euglenales	
	Family Euglenaceae	
5	*Euglena* sp.	15.000
	Phylum PROTOZOA	
	Class Lobosa	
	Order Arcellinida	
	Family Difflugiidae	
6	*Difflugia acuminata* Ehrenberg, 1838	5.000
7	*Difflugia binucleata* Penard, 1902	2.000
8	*Difflugia distenda* Penard, 1899	13.000
9	*Difflugia lanceolata* Penard, 1890	21.000
10	*Difflugia lebes* Penard, 1899	2.000
11	*Difflugia urceolata* Carter, 1864	9.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: 1900 1713

STT	TÊN KHOA HỌC	ĐỊNH LƯỢNG (cá thể/m^3)
	Phylum ARTHROPODA	
	Class Maxillopoda	
	Order Calanoida	
	Family Diaptomidae	
12	*Diaptomus* sp	2.000
	Order Cyclopoida	
	Family Cyclopidae	
13	*Ectocyclops phaleratus* Koch, 1838	13.000
14	*Thermocyclops oithonoides* Sars G.O., 1863	+
	LARVA	
15	Ấu trùng nhóm Copepoda	345.000
16	Bivalvia	+
Tổng số loài		**16**
Tổng số cá thể/m^3		**436.000**

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet– Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 1157-11/23-3.1/KQPT)
Phương pháp định lượng: SMEWW 10200:2017
Mẫu: Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 1156717,00; Y: 441601,00

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780288-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: 1900 1713

Số: 0008-12/23-01-06-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m^3
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m^3
3	SO_2*	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,015 mg/m^3
4	NO_2*	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,006 mg/m^3
5	Benzen*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,0052 mg/m^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu / Điểm đo	Bụi (mg/m^3)	CO (mg/m^3)	SO_2 (mg/m^3)	NO_2 (mg/m^3)	Benzen (mg/m^3)
1. Ngoài hàng rào gần khu vực Flare – Burn pit, có tọa độ X: 00441820; Y: 01156402	0,11	1,75	0,034	0,015	KPH
2. Khu vực nhà dân cách nhà máy 100 m, có tọa độ X: 00441904; Y: 01156556	0,13	2,04	0,041	0,012	KPH
3. Khu vực nhà dân cách nhà máy 200 m, có tọa độ X: 00441669; Y: 01156748	0,12	2,15	0,038	0,017	KPH
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT) (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	**0,3**	**30**	**0,35**	**0,2**	**5**

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 1157-11/23-3.1/KQPT)
KPH: Không phát hiện (< MDL)
QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: 1900 1713

Số: 0008-12/23-01-05-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm^3
2	CO*	SOP_HTKT01	-	0÷11400 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	SOP_HTKT01	-	NO: 0÷4920 mg/Nm^3 NO_2: 0÷2068 mg/Nm^3
4	SO_2*	SOP_HTKT01	-	0÷13100 mg/Nm^3
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m^3/h

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Lưu lượng P (m^3/h)	Bụi (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
1. Khí thải máy phát điện G-71, có tọa độ X:115606; Y: 441690 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	28	131,1	13,1	3,69
2. Khí thải máy nén K 01A/B, có tọa độ X: 1156560; Y: 441754 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	10	KPH (<IDL= 1,14)	KPH (<IDL= 2,62)	KPH (<IDL= 1,23)
3. Khí thải máy nén K-02/03, có tọa độ X: 1156562; Y: 441755 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	11	KPH (<IDL= 1,14)	KPH (<IDL= 2,62)	KPH (<IDL= 1,23)
4. Khí thải Heater H-31A/B, có tọa độ X: 1156598; Y: 441749 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	9	KPH (<IDL= 1,14)	KPH (<IDL= 2,62)	KPH (<IDL= 1,23)
5. Khí thải máy phát điện G-72, có tọa độ X: 1156612; Y: 441690 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	33	96,9	15,7	2,46
6. Khí thải tại máy nén khí đầu vào K-1011, có tọa độ X: 1156496; Y: 441635 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	13	KPH (<IDL= 1,14)	KPH (<IDL= 2,62)	KPH (<IDL= 1,23)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: 1900 1713

QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số:1157-11/23-3.1 / KQPT)
KPH: Không phát hiện (< IDL); IDL: Giới hạn phát hiện của thiết bị
QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: **1900 1713**

Số: 0008-12/23-01-04-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra tại Nam Côn Sơn Terminal, vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1156389,00 và Y=441721,00
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) (Kq=0,9; Kf=1,0)	Phương pháp phân tích
1	pH* (31,7^{0}C)	-	6,66	2÷12	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ*	°C	31,7	4÷50	**40**	SMEWW 2550B:2023
3	TSS*	mg/L	24	1,5	**90**	SMEWW 2540.D:2023
4	BOD_5*	mg/L	20	1,0	**45**	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng N*	mg/L	8,96	1,50	**36**	TCVN 6638:2000
6	Tổng P*	mg/L	0,93	0,016	**5,4**	TCVN 6202:2008
7	Fe*	mg/L	0,60	0,02	**4,5**	TCVN 6177:1996
8	Hg*	mg/L	KPH	25×10^{-5}	**0,009**	TCVN 7877:2008
9	Pb*	mg/L	KPH	0,0023	**0,45**	SMEWW 3111.B:2023
10	Cd*	mg/L	KPH	0,00015	**0,09**	SMEWW 3111.B:2023
11	Zn*	mg/L	KPH	0,0030	**2,7**	SMEWW 3111.B:2023
12	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH	0,015	-	SMEWW 3111.B:2023
13	Ni*	mg/L	KPH	0,015	**0,45**	SMEWW 3111.B:2023
14	Mn*	mg/L	KPH	0,015	**0,9**	SMEWW 3111.B:2023
15	DO*	mg/L	0,46	0,09	-	TCVN 7324: 2004
16	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	2,1	0,3	**9**	SMEWW 5520.B&F:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: **1900 1713**

17	Coliform*	MPN/ 100mL	2.100	2	**5.000**	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 1157-11/23-3.1/KQPT)
KPH: Không phát hiện (<MDL)
QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: **1900 1713**

Số: 0008-12/23-01-03-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra tại hệ thống xử lý nước thải GPP (sau Filter F-71A/B), vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1156717,00 và Y=441601,00
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) (Kq=0,9; Kf=1,0)	Phương pháp phân tích
1	pH* (30,5^{0}C)	-	6,78	2÷12	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ*	^oC	30,5	4÷50	**40**	SMEWW 2550B:2023
3	TSS*	mg/L	22	1,5	**90**	SMEWW 2540.D:2023
4	BOD_5*	mg/L	19	1,0	**45**	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng N*	mg/L	4,12	1,50	**36**	TCVN 6638:2000
6	Tổng P*	mg/L	0,46	0,016	**5,4**	TCVN 6202:2008
7	Fe*	mg/L	0,70	0,02	**4,5**	TCVN 6177:1996
8	Hg*	mg/L	KPH	25×10^{-5}	**0,009**	TCVN 7877:2008
9	Pb*	mg/L	KPH	0,0023	**0,45**	SMEWW 3111.B:2023
10	Cd*	mg/L	KPH	0,00015	**0,09**	SMEWW 3111.B:2023
11	Zn*	mg/L	KPH	0,0030	**2,7**	SMEWW 3111.B:2023
12	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH	0,015	-	SMEWW 3111.B:2023
13	Ni*	mg/L	KPH	0,015	**0,45**	SMEWW 3111.B:2023
14	Mn*	mg/L	KPH	0,015	**0,9**	SMEWW 3111.B:2023
15	DO*	mg/L	0,78	0,09	-	TCVN 7324: 2004
16	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,5	0,3	**9**	SMEWW 5520.B&F:2023

17	Coliform*	MPN/ 100mL	1.700	2	**5.000**	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 1157-11/23-3.1/ KQPT)
KPH: Không phát hiện (<MDL)
QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: 1900 1713

Số: 0008-12/23-01-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Khu nhà điều hành
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,0	Phương pháp phân tích
1	pH* (30,3^{0}C)	-	6,75	2÷12	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS*	mg/L	26	1,5	**100**	SMEWW 2540.D:2023
3	BOD_5*	mg/L	28	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2021
4	TDS*	mg/L	241	0÷1.999	**1.000**	SOP_HTN05
5	S^{2-}*	mg/L	0,40	0,015	**4**	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
6	NH_4^+ (tính theo N)*	mg/L	4,75	0,010	**10**	TCVN 6179-1:1996
7	NO_3^- (tính theo N)*	mg/L	8,62	0,015	**50**	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
8	PO_4^{3-} (tính theo P)*	mg/L	0,53	0,011	**10**	TCVN 6202:2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	0,9	0,3	**20**	SMEWW 5520.B&F:2023
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,19	0,012	**10**	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/ 100ml	2.800	2	**5.000**	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 1157-11/23-3.1/ KQPT)
QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: 1900 1713

Số: 0008-12/23-01-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải GPP (suối Tre), vị trí lấy mẫu theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0 45'$, múi chiếu 3^0) X=1156838,00 và Y=441486,00
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40: 2011/ BTNMT (Cột B) Kq=0,9; Kf=1,0	Phương pháp phân tích
1	pH* (30,9^{0}C)	-	6,78	2÷12	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ*	°C	30,9	4÷50	**40**	SMEWW 2550B:2023
3	TSS*	mg/L	22	1,5	**90**	SMEWW 2540.D:2023
4	COD*	mg/L	86	2,0	**135**	SMEWW 5220.C:2023
5	BOD_5*	mg/L	36	1,0	**45**	TCVN 6001-1:2021
6	Tổng N*	mg/L	7,45	1,50	**36**	TCVN 6638:2000
7	Tổng P*	mg/L	0,78	0,016	**5,4**	TCVN 6202:2008
8	NH_4^+ (tính theo N)*	mg/L	4,11	0,010	**9**	TCVN 6179-1:1996
9	Độ màu*	mg/L	31	1,5	**150**	SMEWW 2120.C:2023
10	Tổng Phenol*	mg/L	KPH	0,001	**0,45**	TCVN 6216:1996
11	CN^-*	mg/L	KPH	0,0015	**0,09**	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023
12	F^-*	mg/L	0,28	0,038	**9**	SMEWW 4500-F^-.B&D:2023
13	Fe*	mg/L	0,51	0,02	**4,5**	TCVN 6177:1996
14	As*	mg/L	KPH	60×10^{-5}	**0,09**	TCVN 6626:2000
15	Hg*	mg/L	KPH	25×10^{-5}	**0,009**	TCVN 7877:2008
16	Pb*	mg/L	KPH	0,0023	**0,45**	SMEWW 3111.B:2023
17	Cd*	mg/L	KPH	0,00015	**0,09**	SMEWW 3111.B:2023
18	Zn*	mg/L	KPH	0,0030	**2,7**	SMEWW 3111.B:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: 1900 1713

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40: 2011/ BTNMT (Cột B) Kq=0,9; Kf=1,0	Phương pháp phân tích
19	Cu*	mg/L	KPH	0,015	**1,8**	SMEWW 3111.B: 2023
20	Ni*	mg/L	KPH	0,015	**0,45**	SMEWW 3111.B:2023
21	Mn*	mg/L	KPH	0,015	**0,9**	SMEWW 3111.B:2023
22	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH	0,015	-	SMEWW 3111.B:2023
23	Cr (III)*	mg/L	KPH	0,015	**0,9**	SMEWW 3111.B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023
24	Cr (VI)*	mg/L	KPH	0,002	**0,09**	SMEWW 3500-Cr.B:2023
25	Clo dư*	mg/L	KPH	0,037	**1,8**	SMEWW 4500-Cl.G:2023
26	DO*	mg/L	0,54	0,09	-	TCVN 7324: 2004
27	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,6	0,3	**9**	SMEWW 5520.B&F:2023
28	Coliform*	MPN/ 100mL	2.000	2	**5.000**	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 1157-11/23-3.1/ KQPT)
KPH: Không phát hiện (<MDL)
QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0310780286-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: **1900 1713**

Số: 0008-12/23-01-07-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Tiếng ồn
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA

KẾT QUẢ ĐO TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)
1. Ngoài khu vực sản xuất cách hàng rào 100m (khu dân cư phía sau) của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 00441904; Y: 01156556	56
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	***Từ 6 giờ - 21 giờ: 70*** ***21 giờ - 6giờ: 55***
2. Trong khu vực công nghệ của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 00441756; Y: 01156563	78
QCVN 24:2016/BYT	**≤ 85**

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 1157-11/23-3.1/KQPT)
KPH: Không phát hiện (< MDL)
QCVN 24:2016/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
QCVN26:2010/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: **1900 1713**

Số: 0008-12/23-01-11-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Sinh vật trên cạn tại khu vực Suối Tre gần Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1156718,00 và Y=441602,00
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

STT	Tên sinh vật	Đơn vị	Kết quả điều tra	Phương pháp điều tra
1	Bướm	Con/m^2	13	Quan sát
2	Chuồn Kim	Con/m^2	8	Quan sát
3	Nhái	Con/m^2	8	Quan sát
4	Châu Chấu	Con/m^2	14	Quan sát
5	Bọ Xít	Con/m^2	7	Quan sát
6	Sâu	Con/m^2	41	Quan sát
7	Ong	Con/m^2	12	Quan sát
8	Các Loại côn trùng khác	Con/m^2	36	Quan sát

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công Ty Cổ Phần An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt – Vimcerts 314)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: **1900 1713**

Số: 0008-12/23-01-08-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Thực vật nổi
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	TÊN KHOA HỌC	KẾT QUẢ
	Order Centrales	
	Class Bacillariophyceae	
1	*Actinoptichus annulatus*	150
2	*Biddulphia regia*	140
3	*Coscinodiscus excentricus*	120
4	*Coscinodiscus bipartitus*	1120
5	*Coscinodiscus lineatus*	100
6	*Coscinodiscus radiatus*	210
7	*Coscinodiscus spp.*	620
8	*Cyclotella comta*	130
9	*Cyclotella meneghiniana*	200
10	*Dithylum brightwelii*	1210
11	*Dithylum sol*	50
12	*Skeletonema costatum*	360
13	*Rhizosolenia setigera*	+
	Order Pennales	
	Class Bacillariophyceae	
14	*Gyrosigma angulatum*	90
15	*Thalassiothrix frauendeldii*	900
16	*Thalassionema nitzschioides*	+
17	*Surirella eximia*	20

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: 1900 1713

Tổng số loài	**17**
Tổng số tế bào/lít	**5.420**

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 1157-11/23-3.1/KQPT)
Phương pháp định lượng: SMEWW 10200:2017
Mẫu: Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 1156717,00; Y: 441601,00

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780280 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: https://hsevn.com.vn Hotline: 1900 1713

Số: 0008-12/23-01-13-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu Trầm tích tại Suối Tre khu vực Nhà máy xử lý khí Dinh Cố. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1156717,00 và Y=441601,00)
Ngày lấy mẫu : 06/11/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 43: 2017/BTNMT		Phương pháp phân tích
					Trầm tích nước ngọt	Trầm tích nước mặn, nước lợ	
1	Cadimi (Cd)*	mg/kg	0,37	0,30	**3,5**	**4,2**	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
2	Chì (Pb)*	mg/kg	18	3,0	**91,3**	**112**	US EPA Method 3050B +US EPA Method 7000B
3	Kẽm (Zn)*	mg/kg	51	0,30	**315**	**271**	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
4	Tổng Crôm (Cr)*	mg/kg	KPH	1,5	**90**	**160**	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
5	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH	0,030	**0,5**	**0,7**	US EPA Method 7471B
6	Niken (Ni) *	mg/kg	6,7	1,5	-	-	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
7	Sắt (Fe) **	mg/kg	305,6	-	**20.000**	-	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
8	Mangan (Mn)**	mg/kg	28,76	-	-	-	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
9	Hydrocacbon**	mg/kg	5,995	-	**100**	**100**	TCVN 11070:2015

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 1157-11/23-3.1/KQPT)
(**): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Viện Môi Trường & Tài Nguyên, Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường – Vimcerts 077 – Theo phiếu phân tích số: 07899/2023/PKQ)
KPH: Không phát hiện (<MDL)
QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc